

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

VP UBND VÀ UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: <b>5990/QĐ-UBND</b>
Số: <b>H39</b>
Ngày: <b>14.11.18</b>
Chuyên: .....
Lưu hồ sơ số: .....

*Quảng Bình, ngày 12 tháng 11 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1878/SNV-CCHC ngày 01/11/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2018 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

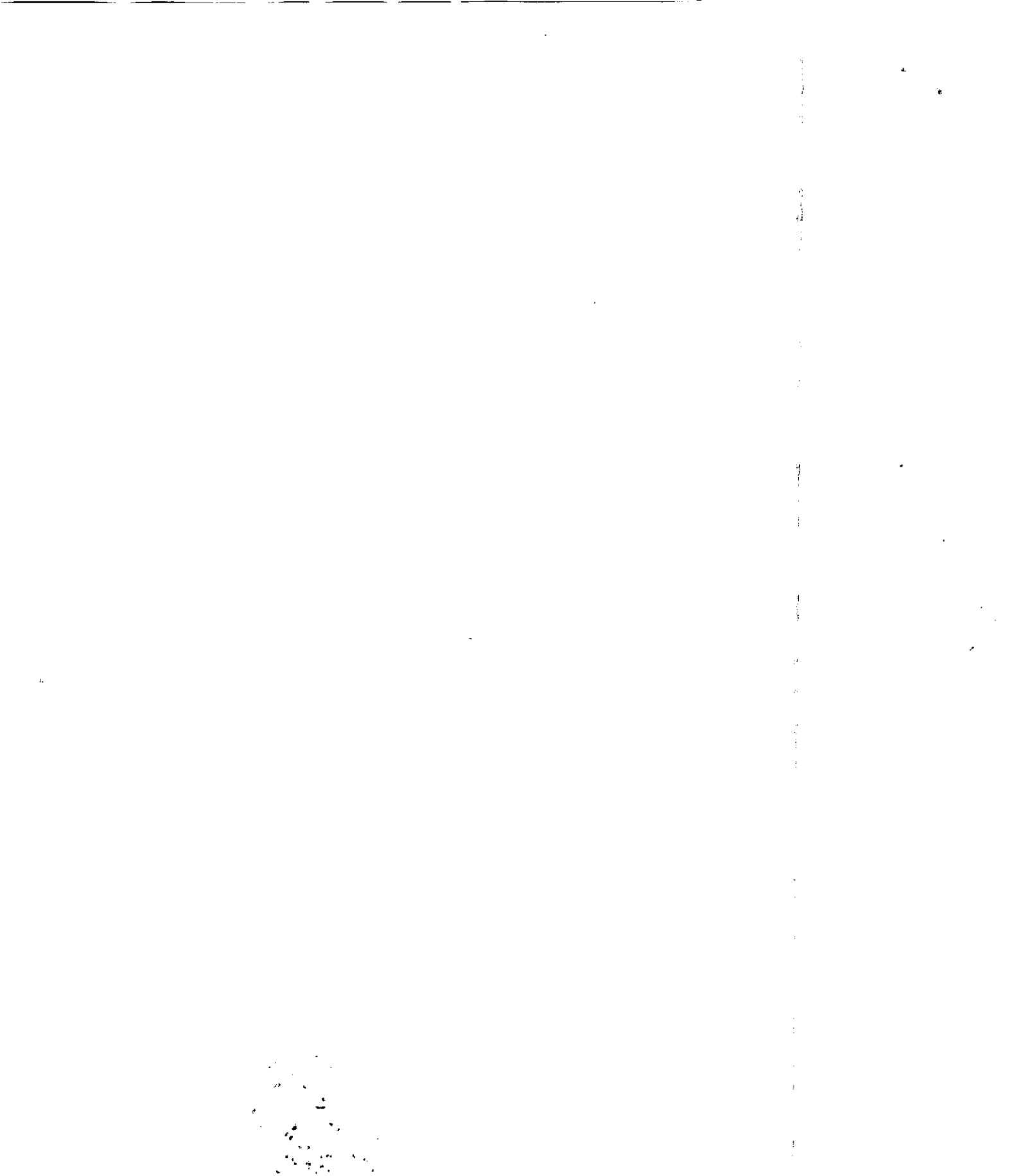
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo QB, Đài PTTH QB, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Quang**

*VP Sơn Bình  
- ai là PCT  
- P. Phó (mười)  
15-11  
[Signature]*



## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018  
của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và  
UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

### **I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

#### **1. Mục tiêu**

- Xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Cấp sở), UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Cấp huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Cấp xã) trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, công dân tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC), công tác quản lý, chỉ đạo của các cơ quan quản lý nhà nước và chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Công bố Chỉ số CCHC năm 2018 các cấp để làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp; là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm cho tập thể, cá nhân theo Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân loại Chỉ số CCHC, xác định được những mặt còn hạn chế, đề ra giải pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC trong thời gian tiếp theo.

#### **2. Yêu cầu**

- Đánh giá toàn diện, thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2018 của các cơ quan, đơn vị, địa phương; Tổ chức điều tra xã hội học theo bộ câu hỏi điều tra xã hội học đối với từng nhóm đối tượng tại cấp sở, cấp huyện và cấp xã, đảm bảo khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Đảm bảo tiến độ kế hoạch để kịp thời bình xét thi đua, khen thưởng và đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, đề ra phương hướng nâng cao hiệu quả công tác CCHC trong năm 2019.

### **II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI**

Sở Nội vụ chủ trì việc triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC năm 2018 đối với cấp sở và cấp huyện; UBND cấp huyện chủ trì việc triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC năm 2018 đối với cấp xã.

#### **1. Tổ chức tự đánh giá, xác định Chỉ số**

- Các cơ quan cấp sở, cấp huyện, cấp xã tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC theo các lĩnh vực tương ứng với tiêu chí, tiêu chí thành phần

được quy định trong bộ Chỉ số CCHC của từng cấp, ban hành kèm theo Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình"; mỗi tiêu chí, tiêu chí thành phần được chấm điểm đều phải có tài liệu kiểm chứng kèm theo. Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm thì đơn vị phải có giải thích cụ thể về mức điểm tự chấm.

- Sau khi hoàn thành tự chấm điểm, các cơ quan gửi báo cáo kết quả về cơ quan chủ trì thực hiện theo đường Công văn và email; đối với tài liệu kiểm chứng, gửi bản photo theo đường Công văn hoặc scan gửi qua email, chia thành 07 tập tài liệu kiểm chứng, hoặc 07 file theo 07 nhóm lĩnh vực tương ứng để phục vụ công tác thẩm định.

+ Đối với cấp sở; cấp huyện: gửi báo cáo về Sở Nội vụ và gửi email về địa chỉ hộp thư công vụ: [duyenplt.snv@quangbinh.gov.vn](mailto:duyenplt.snv@quangbinh.gov.vn) trước ngày **20/12/2018**;

+ Đối với cấp xã: gửi báo cáo về phòng Nội vụ cấp trên trực tiếp trước ngày **15/12/2018**.

- Quá thời gian quy định trên, những cơ quan không gửi báo cáo và tài liệu kiểm chứng thì không được xét thi đua, khen thưởng năm.

## **2. Điều tra xã hội học**

### *a) Nội dung điều tra*

Theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình".

### *b) Phương pháp thu thập thông tin*

Sử dụng mẫu phiếu điều tra xã hội học, các đối tượng điều tra trả lời bằng cách điền thông tin vào mẫu phiếu. Sau khi lấy ý kiến điều tra, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi phiếu về cơ quan chủ trì để tập hợp.

### *c) Phạm vi, số lượng, đối tượng và số lượng phiếu điều tra*

- Cấp sở: lấy ý kiến điều tra của 05 nhóm đối tượng, tổng số 1.727 phiếu (Đính kèm phụ lục 1);

- Cấp huyện: lấy ý kiến điều tra của 05 nhóm đối tượng, tổng số 1.200 phiếu (Đính kèm phụ lục 2);

- Cấp xã: lấy ý kiến điều tra của 04 nhóm đối tượng, tổng số 11.448 phiếu (Đính kèm phụ lục 3).

Đối với đối tượng Doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất có thực hiện giao dịch, các cơ quan, đơn vị, địa phương ưu tiên chọn doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết, các công ty trách nhiệm hữu hạn trên địa bàn để điều tra. Trong trường hợp không có đủ số lượng thì chọn bổ sung các doanh nghiệp ngoài quốc doanh khác trên địa bàn. Riêng cấp xã, nếu trên địa bàn không có đủ số lượng doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất thì lấy bổ sung ý kiến của người dân.

#### *d) Thời gian thực hiện*

- Trước ngày **30/11/2018**, hoàn thành in ấn phiếu điều tra, phân bổ phiếu, tiến hành điều tra xã hội học các cấp.

- Trước ngày **15/12/2018**, hoàn thành việc điều tra, khảo sát, thu phiếu gửi cơ quan chủ trì tổng hợp phiếu.

- Trước ngày **30/12/2018**, hoàn thành tổng hợp phiếu điều tra các cấp.

#### *e) Kinh phí*

- Đối với cấp sở, cấp huyện: Kinh phí điều tra do nguồn ngân sách của tỉnh chi trả.

- Đối với cấp xã: Kinh phí điều tra do nguồn ngân sách cấp huyện chi trả.

Kinh phí điều tra thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

### **3. Tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Tư pháp; Tài chính; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ thẩm định, thống nhất tham mưu UBND tỉnh công bố Chỉ số CCHC năm 2018 của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

- UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định gồm các phòng, ban chuyên môn có liên quan; tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả tự chấm điểm công tác CCHC của UBND cấp xã; Tham mưu UBND huyện công bố Chỉ số CCHC năm 2018 của UBND cấp xã thuộc quyền quản lý.

- Thời gian hoàn thành công tác thẩm định, xếp hạng, công bố chỉ số CCHC các cấp: trước ngày **30/01/2019**.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nội vụ**

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan cấp sở, cấp huyện tiến hành tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC và điều tra xã hội học của đơn vị mình. Hướng dẫn UBND cấp huyện triển khai xác định chỉ số CCHC cấp xã trực thuộc.

- Tham mưu, trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC, chủ trì triển khai việc thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

- Lập dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2018 đối với cấp sở và cấp huyện, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thiết kế mẫu phiếu điều tra các cấp; In ấn phiếu điều tra xã hội học đối với cấp sở và cấp huyện; Cử cán bộ phối hợp điều tra, giám sát, phúc tra quá trình điều tra xã hội học tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổng hợp kết quả tự đánh giá, thẩm định, điều tra xã hội học của cấp sở và cấp huyện; Thực hiện công tác kiểm tra thực tế việc triển khai xác định chỉ số CCHC.

- Thực hiện thanh quyết toán tài chính phục vụ cho công tác điều tra xã hội học theo quy định.

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả xác định Chỉ số CCHC cấp sở và cấp huyện; Tham mưu việc đánh giá, công bố xếp hạng chỉ số và khen thưởng các cơ quan, đơn vị đạt chỉ số CCHC cao.

## **2. Sở Tài chính**

Thẩm định dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2018, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

## **3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh**

- Tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC của đơn vị mình, gửi kết quả về Sở Nội vụ đúng nội dung và thời gian quy định.

- Thành lập Tổ điều tra xã hội học tại đơn vị; chỉ đạo Tổ điều tra phát phiếu, hướng dẫn điền thông tin, thu phiếu gửi về Sở Nội vụ đảm bảo trung thực, khách quan; lập danh sách người điều tra và được điều tra theo mẫu để thực hiện thanh quyết toán.

## **4. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC của đơn vị, gửi kết quả về Sở Nội vụ đúng nội dung và thời gian quy định.

- Thành lập Tổ điều tra xã hội học tại địa phương; chỉ đạo Tổ điều tra phát phiếu, hướng dẫn điền thông tin, thu phiếu gửi về Sở Nội vụ đảm bảo trung thực, khách quan; lập danh sách người điều tra và được điều tra theo mẫu để thực hiện thanh quyết toán.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2018 tại cấp xã trực thuộc; tổng hợp, thẩm định, công bố kết quả xếp hạng chỉ số CCHC cấp xã;

- In ấn phiếu điều tra xã hội học, triển khai công tác điều tra, khảo sát và tổng hợp kết quả điều tra xã hội học cấp xã.

## **5. Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC của đơn vị mình, báo cáo kết quả về UBND cấp huyện.

- Thành lập Tổ điều tra xã hội học tại đơn vị; chỉ đạo Tổ điều tra phát phiếu, hướng dẫn điền thông tin, thu phiếu gửi về UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ); lập danh sách người điều tra và người được điều tra theo mẫu để thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÒNG CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Quang

Phụ lục 1

SƠ LƯỢNG PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT CÔNG TÁC CCHC TẠI SỞ, BAN, NGÀNH  
(Đính kèm Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh)



TT	Phiếu khảo sát chung	Tổng số phiếu khảo sát	Đối tượng điều tra, khảo sát						
			LĐ Sở, ngành (CS-01)	LĐ cấp Phòng, công chức thuộc Sở, ngành (CS-02)	LĐ UBND cấp huyện (CS-03)	LĐ, CC Phòng thuộc UBND cấp huyện (CS-04)	Doanh nghiệp, tổ chức có liên quan (CS-05)	Người dân có liên quan giao dịch (CS-05)	
I	Phiếu khảo sát chung	24			24				
II	Phiếu khảo sát riêng								
1	Văn phòng UBND tỉnh	85	3	20		32	30		
2	Sở Nội vụ	85	3	20		32	5	25	
3	Sở Tư pháp	85	3	20		32	5	25	
4	Sở Kế hoạch và DT	85	3	20		32	25	5	
5	Sở Tài chính	85	3	20		32	25	5	
6	Sở Công Thương	85	3	20		32	25	5	
7	Sở Nông nghiệp&PTNT	85	3	20		32	20	10	
8	Sở Giao thông vận tải	85	3	20		32	10	20	
9	Sở Xây dựng	85	3	20		32	25	5	
10	Sở Tài nguyên&MT	85	3	20		32	25	5	
11	Sở Thông tin&TT	85	3	20		32	20	10	
12	Sở Lao động-TB&XH	85	3	20		32	5	25	
13	Sở Văn hóa và Thể thao	85	3	20		32	25	5	
14	Sở Khoa học&CN	85	3	20		32	20	10	
15	Sở Du lịch	85	3	20		32	30		
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	85	3	20		32	10	20	
17	Sở Y tế	85	3	20		32	20	10	
18	Sở Ngoại vụ	85	3	20		32	10	20	
19	Thanh tra tỉnh	85	3	20		32	5	25	
20	Ban Dân tộc	35	3	16		16			
21	Ban QL Khu kinh tế	53	3	20			20	10	
	<b>Cộng:</b>	<b>1.727</b>	<b>63</b>	<b>416</b>	<b>24</b>	<b>624</b>	<b>360</b>	<b>240</b>	

42



11



Phụ lục 2

**SỐ LƯỢNG PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT**

(Đính kèm Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh)



TT	Huyện/Thành phố	Tổng số phiếu khảo sát	Đối tượng điều tra, khảo sát					
			Đại biểu HĐND cấp huyện (CH-01)	Lãnh đạo UBND cấp huyện (CH-01)	Lãnh đạo, công chức phòng, đơn vị trực thuộc cấp huyện (CH-02)	Lãnh đạo UBND cấp xã (CH-03)	Doanh nghiệp, hoặc CS sản xuất có giao dịch (CH-04)	Người dân có liên quan đến giao dịch (CH-04)
1	TP Đồng Hới	150	25	4	25	30	30	36
2	Huyện Lệ Thủy	150	25	4	25	30	30	36
3	Huyện Quảng Ninh	150	25	4	25	30	30	36
4	Huyện Bố Trạch	150	25	4	25	30	30	36
5	Thị xã Ba Đồn	150	25	4	25	30	30	36
6	Huyện Quảng Trạch	150	25	4	25	30	30	36
7	Huyện Tuyên Hóa	150	25	4	25	30	30	36
8	Huyện Minh Hóa	150	25	4	25	30	30	36
	<b>Cộng:</b>	<b>1.200</b>	<b>200</b>	<b>32</b>	<b>200</b>	<b>240</b>	<b>240</b>	<b>288</b>

*Handwritten signature or mark.*

**Phụ lục 3**

**SỐ LƯỢNG PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT**

(Đính kèm Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	Huyện/Thành phố	Tổng số đơn vị cấp xã	Tổng số phiếu khảo sát	Đối tượng điều tra, khảo sát				
				Đại biểu HĐND cấp xã (CX-01)	Lãnh đạo các đoàn thể cấp xã (CX-01)	Lãnh đạo UBND cấp xã (CX-02)	Công chức cấp xã (CX-03)	Doanh nghiệp, CS sản xuất, Người dân có liên quan đến giao dịch (CX-04)
1	TP Đồng Hới	16	1.152	240	128	32	112	640
2	Huyện Lệ Thủy	28	2.016	420	224	56	196	1.120
3	Huyện Quảng Ninh	15	1.080	225	120	30	105	600
4	Huyện Bố Trạch	30	2.160	450	240	60	210	1.200
5	Thị xã Ba Đồn	16	1.152	240	128	32	112	640
6	Huyện Quảng Trạch	18	1.296	270	144	36	126	720
7	Huyện Tuyên Hóa	20	1.440	300	160	40	140	800
8	Huyện Minh Hóa	16	1.152	240	128	32	112	640
	<b>Cộng:</b>	<b>159</b>	<b>11.448</b>	<b>2.385</b>	<b>1.272</b>	<b>318</b>	<b>1.113</b>	<b>6.360</b>

\* **Mỗi đơn vị cấp xã tổ chức điều tra, lấy ý kiến của:**

- 15 Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
- 08 Lãnh đạo các đoàn thể cấp xã.
- 02 Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã.
- 07 Công chức cấp xã.
- 40 Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hoặc người dân.